TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK TÔ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 11/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK TÔ - TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bá Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Mai Hồng Tự và ông A Bông.

- Thư ký phiên toà: Ông Tô Quang Đô – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Ông Trần Ngọc Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/QĐXXST-HS ngày 28/7/2020 đối với các bị cáo:

1. A Q ; sinh năm 1986 tại huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn ĐK, xã ĐRN, huyện C, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Xơ đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Đen (đã chết) và bà Y Be (đã chết); vợ là Y B , có 06 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Y B ; sinh năm 1989 tại huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn ĐK, xã ĐRN, huyện C, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Xơ đăng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Đe (đã chết) và bà Y Sâu (đã chết); chồng là A Q , có 06 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo A Q và Y B : Bà Nguyễn Thị Thúy H , là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Bị hại: Công ty A

Địa chỉ: Đường HV, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn C , chức vụ: Trưởng phòng, Phòng

KH-KT công ty (văn bản ủy quyền số 09 GUQ/Cty ngày 30/7/2020 của Giám đốc công ty). Có mặt.

Người làm chứng: Y L , sinh năm 1985, trú tại: Thôn ĐK, xã ĐRN, huyện C, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2019, A Q và Y B là vợ chồng cùng nhau đến khoảnh 1, 2, tiểu khu 279, xã Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô, do Công ty A quản lý, là rừng hỗn giao gỗ, tre, nứa, chức năng rừng phòng hộ đầu nguồn. A Q dùng rìu chặt những cây gỗ lớn có đường kính khoảng 15 đến 25 cm. Y B dùng rựa chặt cây nhỏ và tre, nứa.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường xác định, diện tích rừng mà A Q và Y B chặt phá là 4.726 m^2, khối lượng gỗ bị thiệt hại là 3,435 m^3, thuộc gỗ nhóm VIII.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 25/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đăk Tô, kết luận 3,435 m^3 gỗ nhóm VIII, trị giá 1.648.800 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 21/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo A Q , Y B về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo A Q từ 12 đến 18 tháng tù;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Y B từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk Tô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa đã xác định được: Khoảng cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm 2019, A Q và Y B là vợ chồng cùng nhau đến khoảnh 1, 2, tiểu khu 279, xã Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô, do Công ty A quản lý, là rừng hỗn giao gỗ, tre, nứa, chức năng rừng phòng hộ đầu nguồn, để chặt cây lấy đất sản xuất. A Q dùng rìu chặt những cây gỗ lớn có đường kính khoảng 15 đến 25 cm. Y B dùng rựa chặt cây nhỏ và tre, nứa. Diện tích rừng bị chặt phá là 4.726 m^2, khối lượng gỗ bị thiệt hại là 3,435 m^3, gỗ nhóm VIII, trị giá 1.648.800 đồng. Hành vi đó của các bị cáo A Q và Y B đã phạm tội "Hủy hoại rừng", quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô truy tố bị cáo A Q và Y B về tội "Hủy hoại rừng", theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, không có tổ chức. Bị cáo A Q là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Y B chặt cây rừng, mục đích lấy đất sản xuất. Bị cáo A Q chặt cây gỗ có đường kính lớn, còn bị cáo Y B chặt cây nhỏ và tre, nứa, vai trò thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Y B thấp hơn bị cáo A Q . Do vậy, bị cáo A Q phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Y B .

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của nhà nước, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, chức năng rừng phòng hộ đầu nguồn, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt mức án nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo có nhân thân tốt, sinh sống tại khu vực thôn, xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức về hành vi phạm tội còn hạn chế nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của hình phạt tù mà điều luật quy định cũng đủ thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo.

Bị cáo Y B (là vợ bị cáo A Q), có 06 con còn nhỏ, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn (thuộc hộ nghèo), phạm tội với vai trò thứ yếu, có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải), quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời cho bị cáo có điều kiện để nuôi các

con nhỏ.

[6] Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị các bị cáo là lao động chính trong gia đình có 6 người con nhỏ, không có đất sản xuất, thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, bị hại không quản lý tốt diện tích rừng được giao. Vì vậy, cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo A Q từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Y B từ 9 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ. Xét lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không đúng quy định của pháp luật và xử phạt Cải tạo không giam giữ là không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định được tại khoảnh 1, 2 tiểu khu 279, xã Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô còn có đối tượng A Thu và Y L thực hiện hành vi hủy hoại rừng, diện tích 5.068 m^2. Hành vi hủy hoại rừng của A Thu, Y L độc lập với hành vi hủy hoại rừng của A Q , Y B nên Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can để xử lý bằng vụ án khác là đúng pháp luật.

Đối với A Phương và Lê Xuân Ánh, nhân viên bảo vệ rừng của Lâm trường Đăk Tô được giao nhiệm vụ bảo vệ rừng. Tuy nhiên, diện tích rừng bị hủy hoại nằm sâu dưới sườn dốc, tầm nhìn bị che khuất, khó phát hiện trong quá trình kiểm tra nên không xem xét trách nhiệm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo làm nông nghiệp, là hộ nghèo, sinh sống tại khu vực thôn, xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Diện tích rừng mà các bị cáo hủy hoại thuộc Công ty A quản lý. Số gỗ tự nhiên bị thiệt hại, trị giá 1.648.800 đồng, các bị cáo đã nộp bồi thường được 500.000 đồng, còn thiếu 1.148.800 đồng. Do các bị cáo thuộc hộ nghèo nên đại diện Công ty A không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền còn thiếu mà vận động cán bộ, nhân viên công ty ủng hộ bồi thường cho công ty. Xét yêu cầu này là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[10] Về vật chứng: Con dao rựa, dài 55 cm, cán dài 29,5 cm, đường kính 03 cm, bị cáo Y B sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Chiếc rìu mà A Q sử dụng vào việc phạm tội không thu giữ được nên không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo theo quyết định số 1010/QĐ-TTG ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **A Q** 10 (mười) tháng tù, về tội "Hủy hoại rừng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Y B** 08 (tám) tháng tù, về tội "Hủy hoại rừng", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 11/8/2020.

Giao bị cáo Y B cho Ủy ban nhân dân xã Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy Con dao rựa, dài 55 cm, cán dài 29,5 cm, đường kính 03 cm.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585; 587; 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo A Q và Y B có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Công ty A số tiền 500.000 đồng (các bị cáo đã nộp bồi thường đủ 500.000 đồng).

(Vật chứng và tiền bồi thường đã chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Tô, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/7/2020, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Tô và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Tô).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại có quyền

kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đăk Tô;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Tô;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đăk Tô;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đăk Tô;
- Hồ sơ thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu bản án; hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Bình